

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo:	Tài chính - Ngân hàng
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Văn bằng:	Cử nhân
Khóa đào tạo:	Khóa 22 (2026 - 2030)
Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khoá:	122
Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.	

HỌC KỲ 1: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 12, tự chọn: 3)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		12			
TC70101	Tiền tệ và Thị trường tài chính	3	45	45	0
TC70211	Toán tài chính	3	45	45	0
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
TC70218	Kinh tế lượng	3	45	45	0
TH70001	Tin học 1*	2	45	15	30
CB70411	Bơi lội*	1	30	0	30
Học phần tự chọn		3			
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		3			
TA71331	English 1	3	45	45	0
TQ71321	Chinese 1	3	45	45	0
HỌC KỲ 2: 17 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 9, tự chọn: 8)					
Mã học phần	Tên học phần		Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		9			
CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
QT70002	Kinh tế học	3	45	45	0
TH70002	Tin học 2*	2	60	0	60
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1*	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2*	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3*	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4*	2	60	0	60
Học phần tự chọn		8			
Học phần Cơ sở ngành (Chọn 1 trong 2 học phần)		3			
TC71210	Thị trường chứng khoán	3	60	30	30
TC71211	Tài chính công	3	60	30	30
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		3			

TA71332	English 2	3	45	45	0
TQ71322	Chinese 2	3	45	45	0
Học phần kỹ năng (chọn 1 trong 2 học phần)		2			
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng Đàm phán, thương lu	2	30	30	0
Giáo dục thể chất* (Chọn 1 trong 4 học phần)		1			
CB71412	Bóng đá*	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền*	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông*	1	30	0	30
CB71410	Pickleball*	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 05)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		16			
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
TC70212	Thanh toán quốc tế	3	45	45	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
TC70214	Tài chính doanh nghiệp	4	75	45	30
Học phần tự chọn		5			
Kiến thức khoa học xã hội và nhân văn (chọn 1 trong 2 học phần)		2			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		3			
TA71333	English 3	3	45	45	0
TQ71323	Chinese 3	3	45	45	0
Giáo dục thể chất* (Chọn 1 trong 3 học phần)		1			
CB71413	Fitness*	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ*	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật*	1	30	0	30
HỌC KỲ 4: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 13, tự chọn: 2)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		13			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
KT70103	Luật Kinh tế	2	30	30	0
TC71108	Tài chính quốc tế	2	30	30	0
KT70111	Kế toán tài chính 1	4	60	60	0
KT70102	Thuế ứng dụng	3	45	45	0
Học phần tự chọn		2			
Học phần Cơ sở ngành (Chọn 1 trong 2 học phần)		2			
QT71017	Hành vi tổ chức	2	30	30	0

QT71018	Nguyên lý quản trị	2	30	30	0
Học phần Ngoại ngữ* (Chọn 1 trong 2 học phần)		0			
TA71334	English for International Certification*	9	135	135	0
TQ71324	Chinese for International Certification*	9	135	135	0
HỌC KỲ 5: 24 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 10)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		14			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
TC70216	Tài chính cá nhân	3	45	45	0
TC70215	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	4	75	45	30
TC70217	Phân tích đầu tư chứng khoán	3	45	45	0
TC70104	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	2	45	15	30
Học phần tự chọn: Chọn 1/2 chuyên ngành		10			
Chuyên ngành Tài chính – ngân hàng		10			
TC71204	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	45	45	0
TC71202	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	2	30	30	0
TC71209	Marketing ngân hàng	2	30	30	0
KT71101	Kế toán ngân hàng	3	45	45	0
Chuyên ngành Tài chính số		10			
TC71103	Công cụ phái sinh	3	60	30	30
TC70203	Nguyên lý bảo hiểm	2	30	30	0
TC71207	Tài chính xanh và công nghệ số	3	60	30	30
TC71208	Trí tuệ nhân tạo trong tài chính	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 10, tự chọn: 10)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		10			
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TC70107	Công nghệ tài chính	2	45	15	30
TC70213	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	45	0
TC70110	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	60	30	30
Học phần tự chọn: Chọn 1/2 chuyên ngành		10			
Chuyên ngành Tài chính – ngân hàng		10			
TC70108	Quản trị rủi ro Tài chính – Ngân hàng	3	60	30	30
TC70202	Mô phỏng Nghiệp Vụ Tài chính – Ngân hàng	3	90	0	90
TC71212	Thẩm định tín dụng	2	30	30	0
TC71213	Quản trị ngân hàng	2	30	30	0
Chuyên ngành Tài chính số		10			

TC71112	Định giá	2	30	30	0
TC71214	Mô hình tài chính	3	60	30	30
TC71104	Đầu tư tài chính	3	60	30	30
TC71206	Tài chính hành vi	2	30	30	0
HỌC KỲ 7: 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 0)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		4			
TC70206	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180
HỌC KỲ 8: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 6)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Khóa luận tốt nghiệp		6			
TC70207	Khóa luận tốt nghiệp	6	180	0	180
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		6			
TC70111	Chuyên đề tốt nghiệp	3	90	0	90
TC70210	Các vấn đề hiện đại trong ngành tài chính ngân hàng	3	90	0	90